

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN YÊN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19/4/2019

V/v "tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**\*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Thế Đăng

**\*Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Đào Xuân Hải

2. Ông Giáp Hồng Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, Bắc Giang.

**- Đại diện VKSND huyện Tân Yên, Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST- HNGĐ ngày 09/01/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: *Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998 ( có mặt)*

*Nơi ĐKTT: Khu T, thị trấn C, Tân Yên, Bắc Giang*

*Nơi ở: Làng H, xã C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;*

- Bị đơn: *Anh Đào Anh Đ, sinh năm 1993*

*(vắng mặt)*

*Nơi cư trú: Khu T, thị trấn C, Tân Yên, Bắc Giang.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 02/01/2019, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị kết hôn với anh Đào Anh Đ ngày 25/01/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C. Anh chị kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay và chung sống với gia đình nhà chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, hay cãi nhau. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 12/2018 và sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Đào Anh Đ.

- Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác,

công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: chị vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

\* Đối với anh Đào Anh Đ là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc tại Tòa án anh Đ đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh Đ về các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án nhưng anh Đ không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ thể hiện ý kiến của anh.

Tại phiên tòa: anh Đào Anh Đ vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đã đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H với bị đơn là anh Đào Anh Đ có nơi cư trú tại thị trấn C, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: anh Đào Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 288 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Đào Anh Đ.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đào Anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C nên là hôn nhân hợp pháp. Qua xác minh ở địa phương, gia đình anh Đ cũng như phần trình bày của chị H tại Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy chị H và anh Đ sau khi về chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống và trong việc làm ăn kinh tế, hay cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2018 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh Đ không đồng ý nhưng anh Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không lên Tòa án làm việc, chứng tỏ anh Đ không tha thiết đoàn tụ vợ chồng nữa. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, nhà ở, đất: chị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Đào Anh Đ.

2. Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0002309 ngày 09/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS Tân Yên;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thế Đăng**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
XỬ**

**Phạm Thế Đăng**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN      CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỈNH BẮC GIANG**

## Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi      giờ      phút, ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Thế Đăng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thiện

Ông Giáp Hồng Thanh

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

\* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998 ( có mặt)

Nơi ĐKTT: Khu Thiểm, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở: Làng Hạ, xã Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

\* *Bị đơn: Anh Đào Anh Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt)*

*Khu Thiêm, thị trấn Cao Thương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,**

**QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

## 1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Đào Anh Đ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về con chung: chị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Án phí: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0002309 ngày 09/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi            giờ            phút, ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA XỬ**

**Phạm Thế Đăng**